TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 02 - 2021
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Châu Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vủ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị L (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/10/2020, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Trong suốt thời gian chung sống với nhau, giữa anh, chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, anh T hay ghen tuông chửi mắng, xúc phạm chị. Từ đó cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 18/6/2011 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn tuy nhiên cần điều chỉnh mức cấp dưỡng bằng 745.000 đồng/tháng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T vắng mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét thấy chị Nông Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, bản thân anh T có tính ghen tuông nên hay chửi mắng, xúc phạm đến chị. Từ đó làm cho cuộc sống của anh, chị không còn hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải, cũng không có bất cứ ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu của chị L. Điều đó chứng tỏ anh Th không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cũng không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ. Nếu để tình trạng kéo dài, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu nuôi con chung của chị L thấy rằng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Thành không có bất cứ ý kiến, yêu cầu được nuôi cháu Dương trong khi chị L có nguyện vọng tha thiết được nuôi cháu D, Qua ý kiến của địa phương thì chị L hiện làm công nhân, mức thu nhập tương đối ổn định so với điều kiện tại địa phương, đảm bảo điều kiện nuôi con. Về phía cháu D cũng có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để ổn định cuộc sống và tôn trọng nguyện vọng của cháu, hơn nữa cháu D là con gái nếu ở với mẹ sẽ được chăm sóc chu đáo, thuận tiện hơn nên cần chấp nhận giao cho chị L tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp.

[2.3]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy chị L yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng thấy rằng, theo trình bày của chị L hiện tại anh T đang đi làm công nhân nên công việc chỉ tương đối ổn định và thu nhập không cao, chị L không chứng minh được anh T còn sở hữu các tài sản có giá trị. Do đó, với mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là cao so với thu nhập của anh T nên cần điều chỉnh mức cấp dưỡng bằng 1/2 tháng lương cơ bản tương ứng với mỗi tháng anh Thành phải cấp dưỡng 745.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Nợ chung: Khai không có, Không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nông Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nông Thị L được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 18/6/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh T không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét

4. Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nông Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 00044346 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Liên đã nộp đủ án phí.

6. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyền yêu cầu thi hành bản án về cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay mà không phụ thuộc vào bản án bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ